

Bản tin Phân tích kỹ thuật

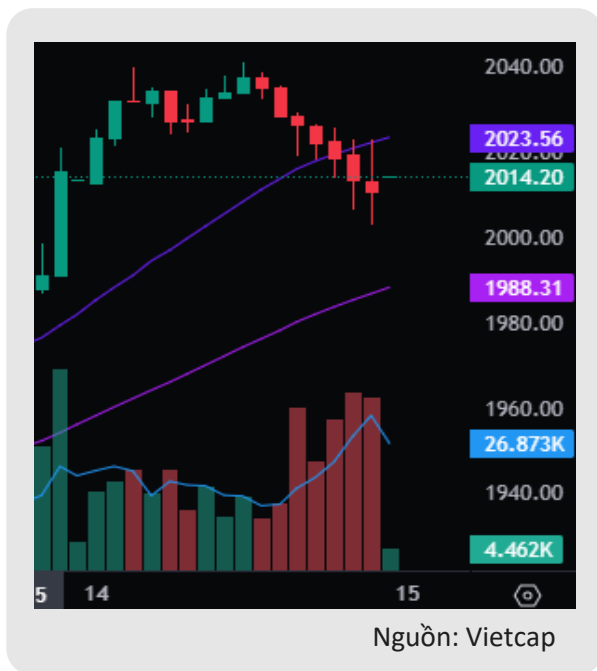
14/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FA000 đóng cửa dưới đường MA20, kích hoạt tín hiệu bán với mục tiêu là vùng giá 1.990-2.000 điểm. (M15)
- Vị thế bán được mở và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 2.025 điểm (MA20). (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 2.015 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.000 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.025 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Tích cực

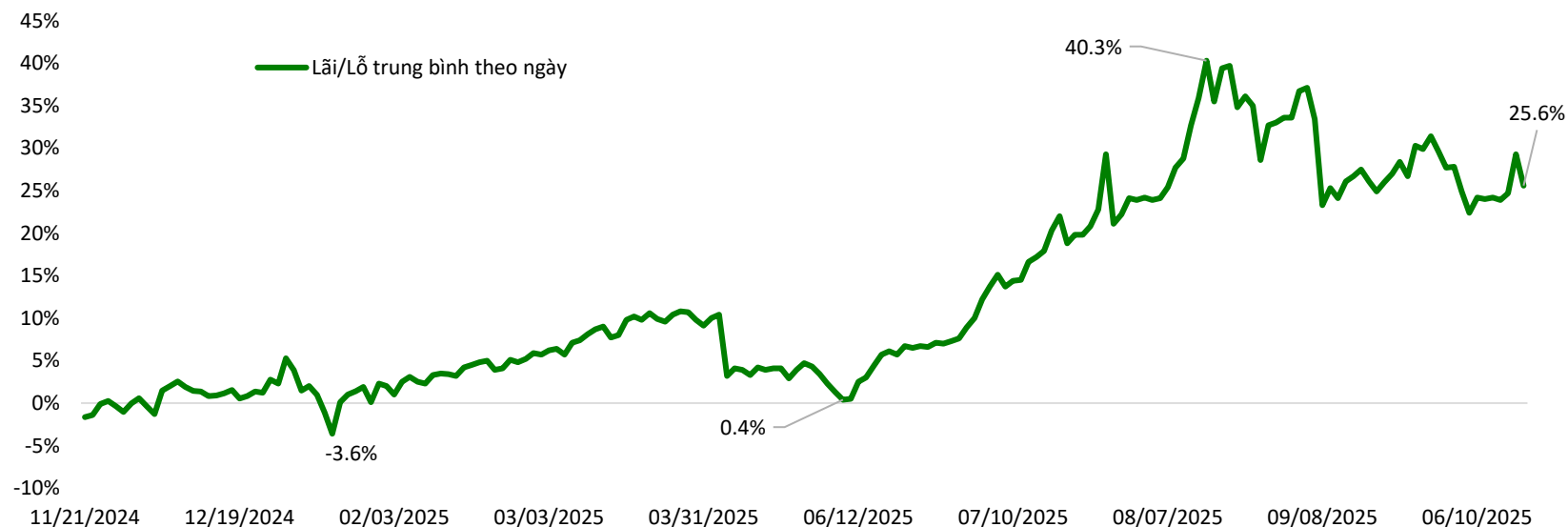


Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index giảm điểm sau khi tiếp cận vùng giá 1.790 điểm đi kèm sự gia tăng của khối lượng cho thấy áp lực chốt lãi giá cao trên diện rộng. Chỉ số VN30 diễn biến tương đồng về thanh khoản. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tích cực vẫn hiện hữu ở VN-Index và chỉ số VN30 bởi các phiên tăng kèm biên độ cao trước đó đã tạo nên quán tính tăng nhất định cho cả 2 chỉ số.
- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán có phần gia tăng đồng đều trên nhiều nhóm ngành, đặc biệt là nhóm mang tỷ trọng vốn hóa cao như Ngân hàng, Chứng khoán, Vật liệu, Tiêu dùng, Bán lẻ. Ngoài ra, nhiều cổ phiếu thuộc rổ VN30 cũng mất tín hiệu Tích cực có được trong 3 phiên trước mặc dù chỉ số VN30 tăng điểm.
- Phiên giảm 14/10 diễn ra trên hoạt động bán cao, không mang tính chất củng cố xu hướng. Chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục giảm về phía vùng 1.745 điểm (MA5) với kháng cự trong ngày quanh 1.770 điểm. Biên độ giảm trong ngày sẽ không cao nhờ quán tính tăng giá có được trong các phiên trước. Tuy nhiên, hoạt động bán ở phiên 14/10 nhiều khả năng sẽ chưa cân bằng được trong một phiên giao dịch. Do đó, vị thế mở mới ngắn hạn nên được hạn chế trong ngày mai.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,350	29,050	-2.4%	27,600			
NLG	13/10/2025		Đang mở	39,650	39,500	0.4%	36,500			
HDG	13/10/2025		Đang mở	33,400	32,000	4.4%	30,900		32,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	211,900	3.16%	17.72%	816,454	13.346	3,487	5.7	60.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	127,000	2.25%	23.18%	521,641	6.075	6,984	2.4	18.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	32,500	2.52%	4.67%	257,853	3.361	2,193	1.8	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	152,500	6.94%	14.32%	90,221	3.235	3,427	3.8	44.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CTG	54,400	-2.07%	6.28%	292,128	-3.129	5,608	1.8	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	39,600	-2.10%	-1.13%	278,046	-3.018	3,683	1.8	10.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	28,350	-2.24%	-2.24%	217,599	-2.519	1,750	1.8	16.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	86,500	-3.03%	-0.12%	155,120	-2.425	1,464	4.9	59.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	155,000	6.97%	31.91%	56,730	2.043	5,389	8.3	28.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	58,800	6.91%	7.69%	53,061	1.894	1,736	3.6	33.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	82,500	-2.94%	0.00%	119,288	-1.812	1,861	3.7	44.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	40,800	-1.21%	4.62%	289,119	-1.808	3,017	1.8	13.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	51,500	-1.90%	-2.09%	153,845	-1.514	3,324	3.8	15.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	92,400	-1.70%	-3.25%	157,404	-1.384	5,092	4.7	18.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BSR	28,000	-2.95%	6.06%	86,814	-1.321	-16	1.5	-1,740.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	89,500	2.87%	-0.89%	80,531	0.036	684	16.6	130.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CEO	30,400	4.83%	24.59%	17,249	0.013	354	2.8	85.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,600	-2.92%	-2.35%	17,734	-0.008	175	2.1	94.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTI	27,400	9.60%	6.20%	3,304	0.005	2,257	1.3	12.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,000	-1.81%	-0.26%	14,421	-0.004	3,977	2.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,400	-1.57%	-1.88%	15,008	-0.004	2,644	1.1	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PGS	43,200	-10.00%	-1.82%	2,160	-0.003	2,368	2.2	18.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTK	12,000	-2.44%	-3.23%	8,193	-0.003	1,131	0.9	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MBS	34,500	-0.58%	-1.15%	22,725	-0.002	1,496	3.1	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	164,000	-0.30%	12.56%	32,800	-0.002	7,830	8.2	20.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	53,800	-1.47%	-3.93%	192,729	-0.125	2,751	3.0	19.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	149,100	-1.78%	12.53%	157,555	-0.124	9,004	9.4	16.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	67,000	-1.33%	-2.19%	203,935	-0.119	1,913	5.5	35.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	61,000	-4.98%	-5.13%	45,065	-0.099	4,151	4.9	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SSH	85,600	6.34%	-2.84%	32,100	0.090	633	5.6	135.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	51,000	-0.78%	-1.92%	61,230	-0.021	1,312	4.5	38.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	193,500	1.31%	6.91%	32,237	0.019	96,113	2.7	2.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	38,500	-2.53%	5.19%	13,102	-0.015	1,397	2.8	28.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SEA	48,000	4.35%	0.00%	6,000	0.012	1,435	2.5	33.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPI	28,000	-14.89%	-2.78%	1,680	-0.011	736	3.8	38.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

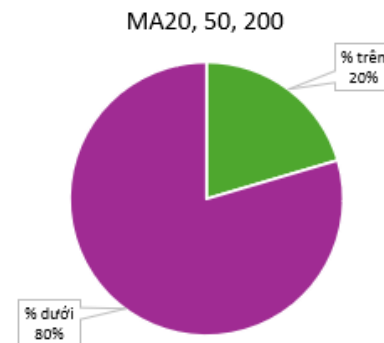
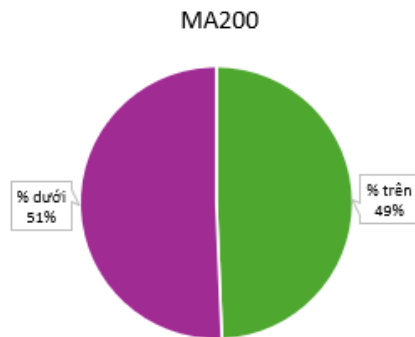
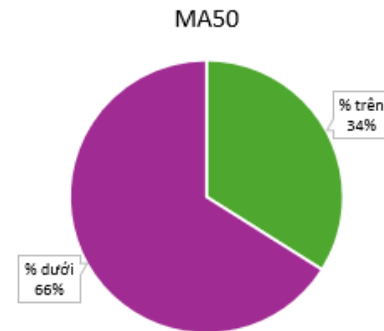
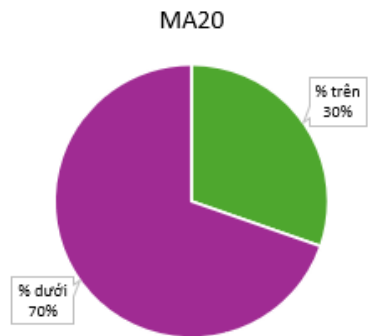
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	211,900	3.2%	1740.5	544.9	39,900	205,400	5.7	60.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	127,000	2.3%	1742.7	616.7	37,750	124,200	2.4	18.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	84,200	1.4%	1015.3	656.7	45,593	83,000	4.2	25.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	152,500	6.9%	712.4	289.3	79,100	146,000	3.8	44.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIX	39,100	4.3%	2995.6	1248.3	8,610	38,400	3.4	28.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	155,000	7.0%	308.5	91.2	22,606	144,900	8.3	28.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	60,200	1.2%	145.1	129.5	48,400	59,900	3.9	52.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CII	29,750	3.8%	1005.6	750.2	9,015	28,650	2.3	376.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TAL	50,100	3.5%	59.4	35.9	15,699	48,600	5.2	21.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CEO	30,400	4.8%	840.3	513.1	9,810	29,000	2.8	85.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDC	40,200	2.0%	260.6	176.2	20,950	39,400	3.1	83.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	18,300	4.0%	27.9	22.2	5,797	17,600	1.6	20.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	33,750	0.9%	18.9	21.1	16,273	33,450	2.2	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QPH	55,300	3.0%	5.3	1.0	23,214	54,500	2.3	13.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TNH	12,850	-2.7%	5.7	3.5	13,131	18,522	1.2	-33.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	11,650	-3.7%	32.4	10.9	12,050	17,600	1.1	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SAM	6,960	-6.8%	17.4	6.9	6,000	10,500	0.7	47.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			14/10/2025	13/10/2025	10/10/2025	09/10/2025	08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	59%	62%	62%	63%	62%	61%	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%
		Dưới	41%	38%	38%	37%	38%	39%	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%
	MA50	Trên	32%	35%	39%	38%	38%	37%	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%
		Dưới	68%	65%	61%	62%	62%	63%	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%
	MA20	Trên	27%	34%	36%	34%	32%	29%	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%
		Dưới	73%	66%	64%	66%	68%	71%	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	77%	77%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%
		Dưới	23%	23%	23%	23%	23%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%
	MA50	Trên	60%	60%	67%	63%	63%	63%	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%
		Dưới	40%	40%	33%	37%	37%	37%	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%
	MA20	Trên	60%	77%	70%	70%	57%	50%	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%
		Dưới	40%	23%	30%	30%	43%	50%	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%
HNX	MA200	Trên	53%	54%	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%
		Dưới	47%	46%	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%
	MA50	Trên	37%	36%	36%	38%	38%	37%	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%
		Dưới	63%	64%	64%	62%	62%	63%	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%
	MA20	Trên	53%	54%	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%
		Dưới	47%	46%	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%
UPCOM	MA200	Trên	31%	34%	34%	34%	35%	33%	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%
		Dưới	69%	66%	66%	66%	65%	67%	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%
	MA50	Trên	34%	36%	36%	36%	36%	35%	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%
		Dưới	66%	64%	64%	64%	64%	65%	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%
	MA20	Trên	44%	44%	45%	45%	45%	45%	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%
		Dưới	56%	56%	55%	55%	55%	55%	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 10										Tháng 9									
	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17
1 Ngân hàng	74	77	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72
2 Bất động sản	74	72	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67
3 Y tế	63	67	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62
4 Bán lẻ	61	62	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59
5 Dịch vụ tài chính	60	62	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64
6 Xây dựng và Vật liệu	58	62	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56
7 Du lịch và Giải trí	58	59	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48
8 Thực phẩm và đồ uống...	56	61	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65
9 Tài nguyên Cơ bản	52	56	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72
10 Hàng & Dịch vụ Côn...	41	43	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50
11 Điện, nước & xăng d...	39	41	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56
12 Bảo hiểm	37	42	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56
13 Hóa chất	34	39	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48
14 Ô tô và phụ tùng	34	37	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52
15 Dầu khí	33	37	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56
16 Hàng cá nhân & Gia ...	28	32	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60
17 Công nghệ Thông tin	21	24	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	211,900	3.2%	17.7%	816,454	5.7	60.8	3,487	1,740.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	127,000	2.3%	23.2%	521,641	2.4	18.2	6,984	1,742.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	54,400	-2.1%	6.3%	292,128	1.8	9.8	5,608	751.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	40,800	-1.2%	4.6%	289,119	1.8	13.5	3,017	1,071.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	32,500	2.5%	4.7%	257,853	1.8	14.8	2,193	1,850.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	149,100	-1.8%	12.5%	157,555	9.4	16.6	9,004	74.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	63,500	-0.8%	3.4%	132,712	4.2	15.5	4,101	342.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,650	0.0%	4.3%	125,518	1.8	8.0	4,094	918.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	84,200	1.4%	7.9%	124,486	4.2	25.5	3,304	1,015.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	60,600	-0.7%	3.6%	114,244	1.9	9.9	6,148	426.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	42,750	-0.6%	22.1%	97,142	2.2	22.1	1,937	1,402.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	152,500	6.9%	14.3%	90,221	3.8	44.5	3,427	712.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SSI	41,000	-0.8%	0.5%	85,113	3.0	26.2	1,567	2,757.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	18,000	-0.6%	4.3%	82,687	1.3	7.5	2,388	2,231.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	155,000	7.0%	31.9%	56,730	8.3	28.8	5,389	308.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	58,800	6.9%	7.7%	53,061	3.6	33.9	1,736	2,926.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	29,700	0.0%	28.0%	32,665	2.8	-42.4	-707	94.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	193,500	1.3%	6.9%	32,237	2.7	2.0	96,113	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PDR	24,900	1.0%	9.5%	24,397	2.1	141.0	177	913.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	142,200	0.0%	9.0%	24,217	8.5	45.0	3,163	153.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	53,800	-1.5%	-3.9%	192,729	3.0	19.6	2,751	61.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	61,000	-5.0%	-5.1%	45,065	4.9	15.2	4,151	13.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MIG	16,000	-2.1%	-4.8%	3,384	1.3	10.9	1,475	8.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SAM	6,960	-6.8%	-8.4%	2,645	0.7	47.5	147	17.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	21,300	-2.7%	-6.0%	2,233	1.9	18.7	1,137	12.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNH	12,850	-2.7%	-4.8%	2,130	1.2	-33.2	-386	5.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRI	11,000	-2.7%	-3.5%	805	1.3	5.2	2,133	7.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	92,400	-1.7%	-3.2%	157,404	4.7	18.1	5,092	1,176.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BCM	64,800	-2.0%	-2.1%	67,068	3.2	18.5	3,507	24.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	52,000	-1.5%	-2.6%	38,601	1.6	15.9	3,278	42.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	31,400	-1.6%	-1.9%	15,008	1.1	11.9	2,644	188.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	38,000	-1.8%	-0.3%	14,421	2.5	9.6	3,977	93.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,100	-2.5%	0.9%	12,367	1.3	8.6	6,444	64.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
OIL	10,900	-0.9%	-1.8%	11,273	1.1	37.7	289	9.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	44,850	-1.6%	-3.8%	11,005	2.1	32.0	1,403	53.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	82,400	-1.4%	-0.8%	9,425	4.7	16.7	4,930	28.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,500	-0.4%	-1.3%	8,335	3.6	544.2	71	12.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVT	17,500	-2.2%	-2.2%	8,224	1.0	7.6	2,306	88.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	38,800	-1.3%	-2.1%	8,216	2.7	22.8	1,700	24.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCS	47,700	-0.4%	-1.6%	7,632	1.5	10.5	4,536	6.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHC	55,100	-2.48%	0.92%	81,700	48.3%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	39,650	-2.82%	0.89%	58,600	47.8%	1,709	1.6	23.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
KDH	31,900	-2.00%	-1.09%	47,100	47.6%	716	2.0	44.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,000	-1.81%	-0.26%	56,100	47.6%	3,977	2.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	53,800	-1.47%	-3.93%	74,300	38.1%	2,751	3.0	19.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,350	1.04%	-1.08%	26,200	35.4%	1,579	1.0	12.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SIP	55,100	-0.36%	0.36%	73,900	34.1%	5,215	2.8	10.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	34,900	-2.10%	-1.97%	46,600	33.5%	3,186	1.8	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	33,100	-1.93%	-3.92%	43,900	32.6%	1,065	1.8	31.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,400	-1.57%	-1.88%	41,600	32.5%	2,644	1.1	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FPT	92,400	-1.70%	-3.25%	121,200	31.2%	5,092	4.7	18.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DGC	96,200	0.31%	3.44%	126,000	31.0%	8,175	2.5	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	15,500	-3.13%	0.65%	20,000	29.0%	85	0.8	182.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
SZC	33,100	-2.65%	-0.30%	42,400	28.1%	1,978	1.9	16.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,400	-1.20%	-1.30%	58,000	27.8%	3,185	2.7	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,900	-0.28%	-0.28%	45,800	27.6%	2,940	1.3	12.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GAS	60,000	-0.99%	-1.48%	76,100	26.8%	5,002	2.1	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DXG	20,500	-3.98%	-0.49%	26,000	26.8%	350	1.7	58.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PC1	24,600	1.23%	-0.81%	31,100	26.4%	1,189	1.5	20.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	84,700	-0.24%	-0.24%	105,900	25.0%	6,115	2.4	13.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn